

Số: 74 /TB-UBND

Vạn Phú, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO
Niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
xã Vạn Phú năm 2025

Kính gửi:

- Đảng ủy - HĐND xã Vạn Phú;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã Vạn Phú;
- Các tổ chức Chính trị - xã hội xã Vạn Phú;
- Các Ông (bà) Trưởng xóm trên địa bàn xã Vạn Phú;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND xã Vạn Phú về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND xã Vạn Phú về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Ủy ban Nhân dân xã Vạn Phú thông báo đến Đảng ủy - HĐND – các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã - các tổ chức chính trị - xã hội và các ông, bà trưởng xóm một số nội dung như sau.

1. UBND xã thực hiện việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025 bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vanphu.thainguyen.gov.vn> chuyên mục Công khai ngân sách. Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 10 giờ 20 phút ngày 31 tháng 03 năm 2026 đến 10 giờ 20 ngày 30 tháng 04 năm 2026 (30 ngày liên tục).

2. Các ông (bà) Trưởng xóm thông báo trên cụm loa truyền thanh của xóm hoặc tại các buổi họp xóm về hình thức niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025, xã Vạn Phú để nhân dân được biết.

Gửi kèm Thông báo là Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025.

Trên đây là Thông báo của UBND xã về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã kịp thời triển khai, thông tin đầy đủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn và các ông, bà trưởng xóm triển khai thực hiện. *↙*

Nơi nhận:

- Đảng ủy – HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc xã;
- Các ông, bà trưởng xóm;
- Lưu VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ VẠN PHÚ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 248/QĐ-UBND

Vạn Phú, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai Báo cáo số liệu quyết toán ngân sách
năm 2025 xã Vạn Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẠN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND xã Vạn Phú về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND xã Vạn Phú về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Vạn Phú;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Vạn Phú theo các biểu Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn quyết toán ngân sách xã năm 2025.

(Theo Thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính Thái Nguyên (b/c);
- Thường trực Đảng ủy - TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hưng

THUYẾT MINH

Quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Vạn Phú

(Kèm theo Quyết định số 248 /QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

I. QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng quyết thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã quyết toán năm 2025 là: 39.566.855.991 đồng.

II. QUYẾT TOÁN THU NGÂN XÃ ĐƯỢC HƯỞNG

1. Thu cân đối ngân sách xã được hưởng theo phân cấp năm 2025 là: 865.952.454 đồng cụ thể: Thu tiền phạt là 823.952.454 đồng; Thu khác ngân sách: 42.000.000 đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên

Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên quyết toán là 169.677.379.397 đồng, bằng 137,39% dự toán giao tỉnh giao. Trong đó: Thu cân đối ngân sách tỉnh là: 17.645.000.000 đồng, đạt 100% dự toán tỉnh giao; Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh là: 152.032.379.397 đồng, đạt 143,62% dự toán tỉnh giao khoản thu này tăng cao là do trong năm tỉnh bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch cho ngân sách xã để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh¹. Trong năm ngân sách xã đã chuyển trả ngân sách tỉnh kinh phí thực hiện tiết kiệm chi 10% chế độ chính sách an sinh: 1.184.276.205 đồng.

+ Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí thực hiện chế độ an sinh xã hội năm 2025: 272.589.081 đồng

+ Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí giáo viên hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP và HĐ khoán của đơn vị trường học năm 2025: 660.087.124 đồng

+ Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí tặng quà cho nhân dân nhân dịp 80 năm cách mạng tháng tám và Quốc khánh 02/9: 7.000.000 đồng

+ Nộp trả ngân sách tỉnh kinh phí tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và tết nguyên đán Bính Ngọ năm 2026: 39.600.000 đồng

¹ NS bổ sung ngoài mục tiêu kế hoạch giao đầu năm: Kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025: 1.184 triệu đồng; Kinh phí thực hiện tặng quà cho nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc Khánh 2/9: 2.215 triệu đồng. Kinh phí thực hiện theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ: 3.833 triệu đồng; Kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND: 161 triệu đồng; Kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính: 189 triệu; Kinh phí thực hiện tổ chức các hoạt động Tết Trung thu: 10 triệu đồng; Kinh phí thực hiện đảm bảo cơ sở vật chất khi thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy: 1.500 triệu đồng; Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị: 1.300 triệu đồng; Kinh phí thực hiện tặng quà của Đảng, Nhà nước nhân dịp chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026: 602 triệu đồng.

+ Nộp trả kinh phí thực hiện tiết kiệm chi, cắt giảm 10% chi thường xuyên theo ND 173/NQ-CP: 205.000.000 đồng

3. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang

Tổng thu chuyển nguồn quyết toán là 3.978.312.788 đồng trong đó Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật đầu tư công. Công trình từ huyện Đại Từ (cũ) chuyển về: 105.000.000 đồng; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 1.816.264.266 đồng; Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc: 594.102.354 đồng; Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau: 847.256.012 đồng; Kinh phí khác theo quy định pháp luật: 615.690.156 đồng.

4. Thu kết dư năm trước chuyển sang

Tổng thu kết dư năm trước chuyển sang quyết toán là: 429.185.818 đồng. Trong đó ngân sách cấp huyện Đại Từ (cũ) là 49.975.871 đồng; Kết dư xã Vạn Phú (cũ): 424.442.675 đồng; Kết dư xã Văn Yên (cũ): 4.743.143 đồng;

II. QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương quyết toán năm 2025: 173.215.351.836 đồng bằng 181,16 % dự toán tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 tăng chủ yếu là tăng chi do ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu ngoài kế hoạch giao đầu năm, tăng chi từ chuyển nguồn năm trước chuyển sang... Cụ thể:

1. Chi đầu tư phát triển:

Tổng chi đầu tư phát triển quyết toán là 20.992.877.631 đồng bằng 68,26% dự toán tỉnh giao đầu năm. Trong đó:

1.1. Chi xây dựng cơ bản: Nhìn chung công tác đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện đúng tiến độ, việc lập và thẩm định các dự án đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư XD CB và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của xã. Công tác quản lý vốn đầu tư, phân bổ các nguồn vốn đầu tư được triển khai ngay sai khi sáp nhập và đảm bảo theo đúng nội dung mục tiêu, chương trình, chấp hành đúng các quy định của nhà nước về quản lý đầu tư công, chỉ đạo của Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước, xử lý nợ XD CB. Tổng chi xây dựng cơ bản quyết toán là 20.992.877.631 đồng. Khoản chi này từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung là: 3.404.094.547 đồng, từ nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất là 7.062.009.728 đồng; từ nguồn chi đầu tư khác: 296.598.884 đồng; từ nguồn chương trình MTQG: 10.230.174.472 đồng

1.2. Chi đầu tư phát triển theo từng lĩnh vực được quyết toán là: 20.992.877.631 đồng. Trong đó chi lĩnh vực giáo dục: 2.426.041.974 đồng; lĩnh vực văn hóa thông tin: 126.281.021 đồng; lĩnh vực thể dục thể thao: 117.294.928 đồng; lĩnh vực hoạt động kinh tế: 17.875.357.515 đồng; lĩnh vực quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 447.902.193 đồng.

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên ngân sách đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chi cho công tác phòng chống dịch bệnh; Kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình, Kế hoạch của xã... Các nhiệm vụ chi được giao triển khai đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ, chất lượng, chế độ định mức, tiết kiệm và hiệu quả. Các đơn vị dự toán thực hiện nghiêm quy định tiết kiệm chi thường xuyên 10% dự toán giao đầu năm và 10% 6 tháng cuối năm (không bao gồm các khoản có tính chất lương và kinh phí an sinh xã hội) với tổng số tiền là 205 triệu đồng và thực hiện chi cải cách tiền lương theo quy định.

Tổng chi thường xuyên quyết toán là 120.680.795.527 đồng, bằng 112,9% dự toán HĐND tỉnh giao. Cụ thể như sau:

- Chi quốc phòng quyết toán là 1.869.585.822 đồng, bằng 97,17% dự toán giao đầu năm.

- Chi an ninh quyết toán là 2.283.339.945 đồng, bằng 124,15% dự toán giao đầu năm. Khoản chi này đạt cao là do trong năm bổ sung chi khác cho lực lượng Công an xã để thực hiện nhiệm vụ của ngành.

- Chi sự nghiệp giáo dục là 65.322.187.745 đồng bằng 101,56% dự toán tỉnh giao đầu năm. Khoản chi này tăng là do trong năm ngân sách tỉnh từ nguồn bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện chế độ chính sách cho các đối tượng đã được phê duyệt trước khi sắp xếp đơn vị hành chính

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình quyết toán là 919.125.850 đồng bằng 97,79% dự toán giao đầu năm.

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin quyết toán là 519.500.200 đồng, bằng 248,75% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm. Khoản chi này hoàn thành vượt dự toán giao đầu năm là do trong năm ngân sách tỉnh và ngân sách xã bổ sung thực hiện hoạt động tết Trung thu.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao quyết toán là 83.316.855 đồng bằng 100% dự toán tỉnh giao đầu năm. Khoản chi này hoàn thành dự toán giao đầu năm.

- Chi đảm bảo xã hội là 8.913.322.000 đồng bằng 161,8% dự toán giao đầu năm. Khoản chi này tăng là do trong năm ngân sách tỉnh từ nguồn bổ sung có mục tiêu kinh phí thực hiện chế độ chính sách chi trả đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và đối tượng bảo trợ hưu trí theo Nghị định

76/2024/NĐ-CP, đối tượng chính sách người có công với cách mạng (đối tượng thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến nhiễm chất độc hóa học)

- Chi hoạt động của các cơ quan Quản lý NN, đảng, đoàn thể là 37.689.110.676 đồng bằng 182,2% dự toán tỉnh giao đầu năm. Khoản chi này tăng chủ yếu tăng chi từ nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị: 1.300.000.000 đồng

- Chi hoạt động sự nghiệp kinh tế là 596.634.908 đồng bằng 10,8% dự toán giao đầu năm. Khoản thu này không hoàn thành kế hoạch giao đầu năm là do trong năm nguồn kinh phí dành 10% từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ đại chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn hỗ trợ đất trồng lúa và nguồn hỗ trợ sản phẩm công ích thủy lợi... không có nhu cầu chi.

3. Chi chuyển nguồn: 31.541.678.678 đồng. Kinh phí chuyển nguồn trong năm chủ yếu là tạm ứng kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản chưa có khối lượng, dự kế hoạch vốn đã bố trí cho các công trình nhưng không đủ khối lượng để thanh toán: 5.715.126.963 đồng; Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9/2025: 2.133.555.243 đồng; Nguồn thực hiện chính sách tiền lương (Nguồn cải cách tiền lương năm 2025 chưa sử dụng hết chuyển sang và từ nguồn trích 70% tăng thu ngân sách xã được hưởng): 1.243.567.379 đồng; Các khoản tăng thu, dự toán còn lại được phép chuyển sang năm sau theo quy định: 19.596.711.896 đồng; Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau: 2.852.717.197 đồng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung ngay từ đầu năm các xã trước khi sát nhập và UBND xã Vạn Phú trong 6 tháng sau khi thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả các giải pháp thu, chi ngân sách trên địa bàn. Kết quả công tác thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo hoàn thành kế hoạch giao. Công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý chi ngân sách đảm bảo theo đúng Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn, bám sát các chỉ tiêu dự toán đã được Hội đồng nhân dân giao. Chi ngân sách đảm bảo kịp thời lương, các chế độ mang tính chất tiền lương, các chính sách đảm bảo xã hội..., đáp ứng nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của xã.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp nhu cầu chi cho các nhiệm vụ phát sinh cấp thiết lớn trong khi nguồn ngân sách địa phương chủ yếu từ nguồn kinh phí còn lại từ các xã cũ chuyển sang và nguồn ngân sách huyện chuyển về do vậy không đáp ứng đủ nhu cầu.

UBND XÃ VẠN PHÚ

Biểu số 01 (Biểu mẫu số 48/NĐ 31)



QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị: Nghìn đồng

S T T	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	123.503.000	174.950.830	51.447.830	142%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	0	865.952	865.952	
-	Thu NSDP hưởng 100%		42.000	42.000	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia		823.952	823.952	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.503.000	169.677.379	46.174.379	137%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	17.645.000	17.645.000	0	100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	105.858.000	152.032.379	46.174.379	144%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			0	
IV	Thu kết dư		429.186	429.186	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.978.313	3.978.313	
B	TỔNG CHI NSDP	123.503.000	173.215.351	49.712.351	140%
I	Tổng chi cân đối NSDP	119.151.000	130.561.911	11.410.911	110%
1	Chi đầu tư phát triển	16.613.000	10.748.529	-5.864.471	65%
2	Chi thường xuyên	101.034.000	119.676.047	18.642.047	118%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	1.504.000	137.335	-1.366.665	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		0	
II	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	4.352.000	11.111.760	6.759.760	
1	Chi đầu tư phát triển	3.401.000	10.230.174	6.829.174	
2	Chi thường xuyên	951.000	881.586	-69.414	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		31.541.679		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		1.735.479		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP				
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP				
I	Vay để bù đắp bội chi				
II	Vay để trả nợ gốc				
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH TỈNH			
I	Nguồn thu ngân sách	123.503.000	174.950.830	142%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	0	865.952	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.503.000	169.677.379	137%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	17.645.000	17.645.000	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	105.858.000	152.032.379	144%
3	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính (1)			
4	Thu kết dư		429.186	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.978.313	
II	Chi ngân sách	123.503.000	173.215.352	140%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh		0	
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	123.503.000	141.673.673	115%
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	17.645.000	17.645.000	100%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	105.858.000	124.028.673	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		31.541.679	
	Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm, kết dư ngân sách cấp tỉnh (1)		1.735.478	
III	Bội chi NSDP/Kết dư NSDP (1)			
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	123.503.000	174.950.830	141,66%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp		865.952	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.503.000	169.677.379	137%
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	17.645.000	17.645.000	100%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	105.858.000	152.032.379	
3	Thu kết dư		429.186	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.978.313	
II	Chi ngân sách	123.503.000	173.215.352	140%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	123.503.000	141.673.673	115%
2	Chi chuyển trả ngân sách cấp trên			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		31.541.679	
III	Kết dư		1.735.479	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán năm		So sánh QT/DT (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	152.313.000	152.313.000	213.651.729	174.950.830	140,27	114,86
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	28.810.000	28.810.000	39.566.851	865.952	137,34	3,01
I	Thu nội địa	28.810.000	28.810.000	34.375.851	865.952	119,32	3,01
1	Thuế DNNN địa phương	54.000	54.000	193.855		358,99	0,00
	- Thuế giá trị gia tăng (TW quản lý)						
	- Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước (địa phương quản lý)			162.898			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			30.957			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			0			
	- Thuế tài nguyên			0			
	Thuế Tài nguyên						
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	6.220.000	6.220.000	5.616.003	0	90,29	0,00
	- Thuế giá trị gia tăng			4.489.768			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.086.641			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			0			
	- Thuế tài nguyên			39.594			
3	Lệ phí trước bạ	3.914.000	3.914.000	8.020.505		204,92	0,00
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0			
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	56.000	56.000	96.593		172,49	0,00
6	Thuế thu nhập cá nhân	1.563.000	1.563.000	2.706.682		173,17	0,00
7	Thuế bảo vệ môi trường			0			
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu			0			
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước			0			
8	Phí, lệ phí	189.000	189.000	409.944	0	216,90	0,00
	Bao gồm: Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu			121.127			
	Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước tỉnh thu			20.685			
	Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước xã thu			268.132			
9	Tiền sử dụng đất	10.500.000	10.500.000	9.958.800	0	94,85	0,00
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			0			
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			9.958.800			
10	Thu tiền thuê đất, mặt nước	6.034.000	6.034.000	6.110.608		101,27	0,00
11	Thu khác ngân sách (bao gồm cả thu khác ngân sách xã)	180.000	180.000	1.262.861	865.952	701,59	481,08
11.1	Thu tiền phạt			972.875	823.952		
	Trong đó: - Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông			5.000			

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán năm		So sánh QT/DT (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện			102.837			
11.2	Thu tịch thu			4.000			
11.3	Thu hồi các khoản chi năm trước			4.916			
11.4	Thu tiền thanh lý tài sản			9.709			
11.6	Thu khác còn lại			271.361	42.000		
	Tr.đó: Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa			48.401			
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	100.000	100.000			0,00	0,00
II	Thu nhân dân đóng góp, thu tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng			5.191.000	0		
1	Thu nhân dân đóng góp, thu tài trợ xây dựng cơ sở hạ tầng			5.191.000			
2	Thu tài trợ viện trợ khác						
B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	123.503.000	123.503.000	169.677.379	169.677.379	137,39	137,39
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.503.000	123.503.000	169.677.379	169.677.379	137,39	137,39
1.	Bổ sung cân đối	17.645.000	17.645.000	17.645.000	17.645.000	100,00	100,00
2.	Bổ sung có mục tiêu	105.858.000	105.858.000	152.032.379	152.032.379	143,62	143,62
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước			152.032.379	152.032.379		
-	Bổ sung có mục tiêu			152.032.379	152.032.379		
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước			0	0		
II	Thu từ ngân sách cấp dưới chuyển trả						
C	THU CHUYỂN NGUỒN			3.978.313	3.978.313		
D	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			429.186	429.186		





Biểu số 04 (Mẫu biểu số 51/NĐ 31)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán năm	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	136.958.000	173.215.351	126,47
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	132.606.000	130.561.912	98,46
I	Chi đầu tư phát triển	30.756.000	10.748.529	
1	Chi đầu tư cho các dự án	30.756.000	10.748.529	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.818.686	2.426.042	86,07
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.511.852	7.062.010	82,97
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	383.000		0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	100.346.000	119.676.048	119,26
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.318.692	65.322.188	101,56
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	1.504.000	137.335	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	4.352.000	11.111.760	255,33
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	4.352.000	11.111.760	255,33
1	Xây dựng cơ bản	3.401.000	10.230.174	
1.1	Chương trình MTQT xây dựng NTM	3.401.000	10.230.174	
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			
2	Chi thường xuyên	951.000	881.585	92,70
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	154.000	221.336	143,72



2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	738.000	601.250	81,47
2.3	Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi	59.000	59.000	100,00
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		31.541.678	





Biểu số 05 (Mẫu biểu số 52/NĐ 31)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán năm	So sánh (%)	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	123.503.000	173.215.351	49.712.351	140,25
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI VHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	123.503.000	141.673.673	18.170.673	114,71
I	Chi đầu tư phát triển	20.702.000	20.992.878	290.878	101,41
1	Đầu tư cho các dự án	20.702.000	20.992.878	290.878	101,41
1.1	Chi quốc phòng				
1.2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
1.3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		2.426.042	2.426.042	
1.4	Chi khoa học và công nghệ				
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình				
1.6	Chi văn hoá thông tin		126.281	126.281	
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
1.8	Chi thể dục thể thao		117.295	117.295	
1.9	Chi bảo vệ môi trường				
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	20.702.000	17.875.358	-2.826.642	86,35
	- Trong đó: Chi giao thông vận tải		9.032.385	9.032.385	
	- Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản		3.118.328	3.118.328	
	- Chi các hoạt động kinh tế khác		5.724.644	5.724.644	
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		447.902	447.902	
1.12	Chi bảo đảm xã hội				
1.13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên các lĩnh vực	101.297.000	120.543.460	19.246.460	119,00
1	Chi quốc phòng	1.924.071	1.869.586	-54.485	97,17
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.839.163	2.283.340	444.177	124,15



3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	64.318.692	65.322.188	1.003.496	101,56
4	Chi khoa học và công nghệ				
5	Chi y tế, dân số và gia đình	939.908	919.126	-20.782	97,79
6	Chi văn hoá thông tin	208.844	519.500	310.656	248,75
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
8	Chi thể dục thể thao	83.317	83.317		100,00
9	Chi bảo vệ môi trường				
10	Chi các hoạt động kinh tế	5.788.665	2.775.931	-3.012.734	47,95
10.1	Chi giao thông vận tải		10.000	10.000	
10.2	Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản		2.372.254	2.372.254	
10.3	Chi hoạt động kinh tế khác		393.677	393.677	
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	20.685.344	37.857.150	17.171.806	183,01
12	Chi đảm bảo xã hội	5.508.996	8.913.322	3.404.326	161,80
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	1.504.000	137.335	-1.366.665	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		31.541.678	31.541.678	





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán năm	Bao gồm		Ngân sách địa phương	So sánh (%)		Đơn vị: Nghìn đồng
			Ngân sách cấp tỉnh.	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	136.958.000		136.958.000	173.215.351		173.215.351	126,47		126,47	
A	CHI CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	132.606.000		132.606.000	130.630.670		130.630.670	98,51		98,51	
I	Chi đầu tư phát triển	30.756.000		30.756.000	10.748.529		10.748.529	34,95		34,95	
I	Chi đầu tư cho các dự án	30.756.000		30.756.000	10.748.529		10.748.529	34,95		34,95	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực										
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.818.686		2.818.686	2.426.042		2.426.042	86,07		86,07	
-	Chi khoa học và công nghệ										
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn										
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	8.511.852		8.511.852	7.062.010		7.062.010	82,97		82,97	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	383.000		383.000	0		0	0		0	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật										
3	Chi đầu tư phát triển khác										
II	Chi thường xuyên	100.346.000		100.346.000	119.742.304		119.742.304	119,33		119,33	
	Trong đó:										
I	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.318.692		64.318.692	65.322.188		65.322.188	101,56		101,56	
2	Chi khoa học và công nghệ										
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay										
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính										
V	Dự phòng ngân sách	1.504.000		1.504.000	139.837		139.837				
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương										
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	4.352.000		4.352.000	11.043.002		11.043.002	253,75		253,75	

I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	4.352.000			4.352.000	11.043.002	11.043.002	253,75	253,75
1	Xây dựng cơ bản	3.401.000			3.401.000	10.230.174	10.230.174		
1.1	Chương trình MTQT xây dựng NTM	3.401.000			3.401.000	10.230.174	10.230.174		
1.2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								
2	Chi thường xuyên	951.000			951.000	812.828	812.828	85,47	85,47
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM	154.000			154.000	152.578	152.578	99,08	99,08
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	738.000			738.000	601.250	601.250	81,47	81,47
2.3	Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi	59.000			59.000	59.000	59.000	100,00	100,00
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ								
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU					31.541.678	31.541.678		





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2024 của UBND xã Vạn Phú)

Biểu số 07 (Mẫu biểu số 54/NĐ 31)

STT		Tên đơn vị	Tổng số	Chi BT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG				Tổng số	Chi BT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG				Chi chuyển nguồn	Tổng chi	Chi BT	Chi TX	Chi CTMT-QC
							Tổng số	Chi BT phát triển	Chi TX	Chi dự phòng					Tổng số	Chi BT phát triển	Chi TX	Chi dự phòng					
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
TỔNG SỐ		TỔNG SỐ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
A		CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	154.051.428	1.047.145	122.255.670	11.773.612	16.708.854	1.019.758	1.019.758	141.673.674	10.762.703	119.299.209		11.111.760	10.230.174	881.586	8.430.172						
I		Các cơ quan, đơn vị thuộc xã	57.321.628	56.301.870	55.308.409	1.019.758	1.019.758	55.308.409	55.308.409	54.507.022	881.586												
1		Văn phòng Đảng uỷ xã Vạn Phú(1/17729)	6.889.172	6.889.172	6.748.985			6.748.985	6.748.985											97,97%			
2		Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Vạn Phú(1/17695)	9.590.155	9.590.155	9.500.083			9.500.083	9.500.083											100%			
3		Văn phòng HĐND và UBND xã Vạn Phú(1/15032)	19.735.469	19.709.460	19.476.084			19.476.084	19.476.084											98,7%			
4		Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú(1/157206)	12.734.639	12.304.881	12.622.283			12.622.283	12.622.283											99,12%			
5		Phòng sinh kế xã Vạn Phú(1/17093)	3.249.136	3.165.136	2.585.866			2.585.866	2.585.866											79,59%			
6		Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vạn Phú(1/17090)	854.390	854.390	854.372			854.372	854.372											100%			
7		Trung tâm dịch vụ công cấp xã Vạn Phú(1/163923)	4.260.666	3.780.666	3.500.336			3.500.336	3.500.336											82,17%			
8		Công an xã Vạn Phú(1/15913)	106.000	106.000	100.000			100.000	100.000											100%			
II		Các đơn vị trường học thuộc xã	65.553.306	65.553.306	65.292.187			65.292.187	65.292.187											99,76%			
1		Trường Mầm non Xã Phú(1/103017)	8.409.679	8.409.679	8.389.363			8.389.363	8.389.363											100%			
2		Trường Mầm non Vạn Phú(1/103017)	5.761.997	5.761.997	5.761.997			5.761.997	5.761.997											100%			
3		Trường Mầm non Vạn Phú(1/103232)	7.936.891	7.936.891	7.936.891			7.936.891	7.936.891											100%			
4		Trường tiểu học Vạn Phú(1/158651)	9.263.129	9.263.129	9.153.710			9.153.710	9.153.710											98,82%			
5		Trường tiểu học Xã Phú(1/103889)	10.539.555	10.539.555	10.551.214			10.551.214	10.551.214											99,92%			
6		Trường trung học cơ sở Xã Phú(1/103864)	6.732.197	6.732.197	6.208.660			6.208.660	6.208.660											92,23%			
7		Trường THCS Vạn Phú(1/104759)	7.486.710	7.486.710	7.486.710			7.486.710	7.486.710											100%			
8		Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vạn Phú(1/113385)	9.783.642	9.783.642	9.783.642			9.783.642	9.783.642											100%			
9		Trung tâm học tập cộng đồng xã Vạn Phú(1/167283)	20.000	20.000	20.000			20.000	20.000											100%			
III		Các dự án trên địa bàn xã	20.756.006	14.047.145	16.708.854	16.708.854	20.992.878	10.762.703	10.230.174	10.230.174	8.430.172									100%			
		Đường GTNT xã Vạn Phú năm 2023(giới hạn 3) Hẻm Đường BTĐA xóm 1&6, Xã Vạn Phú(1/1797830)	15.246		15.246	15.246	15.246		15.246											100%			
		Đường GTNT xã Vạn Phú năm 2023(giới hạn 1) Hẻm Đường BTĐA xóm 2, Đường 1, Đường 2, Đường 3, Giới hạn 1, Giới hạn 2, Giới hạn 3, Giới hạn 4, Giới hạn 5, Giới hạn 6, Giới hạn 7, Giới hạn 8, Giới hạn 9, Giới hạn 10, Giới hạn 11, Giới hạn 12, Giới hạn 13, Giới hạn 14, Giới hạn 15, Giới hạn 16, Giới hạn 17, Giới hạn 18, Giới hạn 19, Giới hạn 20, Giới hạn 21, Giới hạn 22, Giới hạn 23, Giới hạn 24, Giới hạn 25, Giới hạn 26, Giới hạn 27, Giới hạn 28, Giới hạn 29, Giới hạn 30, Giới hạn 31, Giới hạn 32, Giới hạn 33, Giới hạn 34, Giới hạn 35, Giới hạn 36, Giới hạn 37, Giới hạn 38, Giới hạn 39, Giới hạn 40, Giới hạn 41, Giới hạn 42, Giới hạn 43, Giới hạn 44, Giới hạn 45, Giới hạn 46, Giới hạn 47, Giới hạn 48, Giới hạn 49, Giới hạn 50, Giới hạn 51, Giới hạn 52, Giới hạn 53, Giới hạn 54, Giới hạn 55, Giới hạn 56, Giới hạn 57, Giới hạn 58, Giới hạn 59, Giới hạn 60, Giới hạn 61, Giới hạn 62, Giới hạn 63, Giới hạn 64, Giới hạn 65, Giới hạn 66, Giới hạn 67, Giới hạn 68, Giới hạn 69, Giới hạn 70, Giới hạn 71, Giới hạn 72, Giới hạn 73, Giới hạn 74, Giới hạn 75, Giới hạn 76, Giới hạn 77, Giới hạn 78, Giới hạn 79, Giới hạn 80, Giới hạn 81, Giới hạn 82, Giới hạn 83, Giới hạn 84, Giới hạn 85, Giới hạn 86, Giới hạn 87, Giới hạn 88, Giới hạn 89, Giới hạn 90, Giới hạn 91, Giới hạn 92, Giới hạn 93, Giới hạn 94, Giới hạn 95, Giới hạn 96, Giới hạn 97, Giới hạn 98, Giới hạn 99, Giới hạn 100, Giới hạn 101, Giới hạn 102, Giới hạn 103, Giới hạn 104, Giới hạn 105, Giới hạn 106, Giới hạn 107, Giới hạn 108, Giới hạn 109, Giới hạn 110, Giới hạn 111, Giới hạn 112, Giới hạn 113, Giới hạn 114, Giới hạn 115, Giới hạn 116, Giới hạn 117, Giới hạn 118, Giới hạn 119, Giới hạn 120, Giới hạn 121, Giới hạn 122, Giới hạn 123, Giới hạn 124, Giới hạn 125, Giới hạn 126, Giới hạn 127, Giới hạn 128, Giới hạn 129, Giới hạn 130, Giới hạn 131, Giới hạn 132, Giới hạn 133, Giới hạn 134, Giới hạn 135, Giới hạn 136, Giới hạn 137, Giới hạn 138, Giới hạn 139, Giới hạn 140, Giới hạn 141, Giới hạn 142, Giới hạn 143, Giới hạn 144, Giới hạn 145, Giới hạn 146, Giới hạn 147, Giới hạn 148, Giới hạn 149, Giới hạn 150, Giới hạn 151, Giới hạn 152, Giới hạn 153, Giới hạn 154, Giới hạn 155, Giới hạn 156, Giới hạn 157, Giới hạn 158, Giới hạn 159, Giới hạn 160, Giới hạn 161, Giới hạn 162, Giới hạn 163, Giới hạn 164, Giới hạn 165, Giới hạn 166, Giới hạn 167, Giới hạn 168, Giới hạn 169, Giới hạn 170, Giới hạn 171, Giới hạn 172, Giới hạn 173, Giới hạn 174, Giới hạn 175, Giới hạn 176, Giới hạn 177, Giới hạn 178, Giới hạn 179, Giới hạn 180, Giới hạn 181, Giới hạn 182, Giới hạn 183, Giới hạn 184, Giới hạn 185, Giới hạn 186, Giới hạn 187, Giới hạn 188, Giới hạn 189, Giới hạn 190, Giới hạn 191, Giới hạn 192, Giới hạn 193, Giới hạn 194, Giới hạn 195, Giới hạn 196, Giới hạn 197, Giới hạn 198, Giới hạn 199, Giới hạn 200, Giới hạn 201, Giới hạn 202, Giới hạn 203, Giới hạn 204, Giới hạn 205, Giới hạn 206, Giới hạn 207, Giới hạn 208, Giới hạn 209, Giới hạn 210, Giới hạn 211, Giới hạn 212, Giới hạn 213, Giới hạn 214, Giới hạn 215, Giới hạn 216, Giới hạn 217, Giới hạn 218, Giới hạn 219, Giới hạn 220, Giới hạn 221, Giới hạn 222, Giới hạn 223, Giới hạn 224, Giới hạn 225, Giới hạn 226, Giới hạn 227, Giới hạn 228, Giới hạn 229, Giới hạn 230, Giới hạn 231, Giới hạn 232, Giới hạn 233, Giới hạn 234, Giới hạn 235, Giới hạn 236, Giới hạn 237, Giới hạn 238, Giới hạn 239, Giới hạn 240, Giới hạn 241, Giới hạn 242, Giới hạn 243, Giới hạn 244, Giới hạn 245, Giới hạn 246, Giới hạn 247, Giới hạn 248, Giới hạn 249, Giới hạn 250, Giới hạn 251, Giới hạn 252, Giới hạn 253, Giới hạn 254, Giới hạn 255, Giới hạn 256, Giới hạn 257, Giới hạn 258, Giới hạn 259, Giới hạn 260, Giới hạn 261, Giới hạn 262, Giới hạn 263, Giới hạn 264, Giới hạn 265, Giới hạn 266, Giới hạn 267, Giới hạn 268, Giới hạn 269, Giới hạn 270, Giới hạn 271, Giới hạn 272, Giới hạn 273, Giới hạn 274, Giới hạn 275, Giới hạn 276, Giới hạn 277, Giới hạn 278, Giới hạn 279, Giới hạn 280, Giới hạn 281, Giới hạn 282, Giới hạn 283, Giới hạn 284, Giới hạn 285, Giới hạn 286, Giới hạn 287, Giới hạn 288, Giới hạn 289, Giới hạn 290, Giới hạn 291, Giới hạn 292, Giới hạn 293, Giới hạn 294, Giới hạn 295, Giới hạn 296, Giới hạn 297, Giới hạn 298, Giới hạn 299, Giới hạn 300, Giới hạn 301, Giới hạn 302, Giới hạn 303, Giới hạn 304, Giới hạn 305, Giới hạn 306, Giới hạn 307, Giới hạn 308, Giới hạn 309, Giới hạn 310, Giới hạn 311, Giới hạn 312, Giới hạn 313, Giới hạn 314, Giới hạn 315, Giới hạn 316, Giới hạn 317, Giới hạn 318, Giới hạn 319, Giới hạn 320, Giới hạn 321, Giới hạn 322, Giới hạn 323, Giới hạn 324, Giới hạn 325, Giới hạn 326, Giới hạn 327, Giới hạn 328, Giới hạn 329, Giới hạn 330, Giới hạn 331, Giới hạn 332, Giới hạn 333, Giới hạn 334, Giới hạn 335, Giới hạn 336, Giới hạn 337, Giới hạn 338, Giới hạn 339, Giới hạn 340, Giới hạn 341, Giới hạn 342, Giới hạn 343, Giới hạn 344, Giới hạn 345, Giới hạn 346, Giới hạn 347, Giới hạn 348, Giới hạn 349, Giới hạn 350, Giới hạn 351, Giới hạn 352, Giới hạn 353, Giới hạn 354, Giới hạn 355, Giới hạn 356, Giới hạn 357, Giới hạn 358, Giới hạn 359, Giới hạn 360, Giới hạn 361, Giới hạn 362, Giới hạn 363, Giới hạn 364, Giới hạn 365, Giới hạn 366, Giới hạn 367, Giới hạn 368, Giới hạn 369, Giới hạn 370, Giới hạn 371, Giới hạn 372, Giới hạn 373, Giới hạn 374, Giới hạn 375, Giới hạn 376, Giới hạn 377, Giới hạn 378, Giới hạn 379, Giới hạn 380, Giới hạn 381, Giới hạn 382, Giới hạn 383, Giới hạn 384, Giới hạn 385, Giới hạn 386, Giới hạn 387, Giới hạn 388, Giới hạn 389, Giới hạn 390, Giới hạn 391, Giới hạn 392, Giới hạn 393, Giới hạn 394, Giới hạn 395, Giới hạn 396, Giới hạn 397, Giới hạn 398, Giới hạn 399, Giới hạn 400, Giới hạn 401, Giới hạn 402, Giới hạn 403, Giới hạn 404, Giới hạn 405, Giới hạn 406, Giới hạn 407, Giới hạn 408, Giới hạn 409, Giới hạn 410, Giới hạn 411, Giới hạn 412, Giới hạn 413, Giới hạn 414, Giới hạn 415, Giới hạn 416, Giới hạn 417, Giới hạn 418, Giới hạn 419, Giới hạn 420, Giới hạn 421, Giới hạn 422, Giới hạn 423, Giới hạn 424, Giới hạn 425, Giới hạn 426, Giới hạn 427, Giới hạn 428, Giới hạn 429, Giới hạn 430, Giới hạn 431, Giới hạn 432, Giới hạn 433, Giới hạn 434, Giới hạn 435, Giới hạn 436, Giới hạn 437, Giới hạn 438, Giới hạn 439, Giới hạn 440, Giới hạn 441, Giới hạn 442, Giới hạn 443, Giới hạn 444, Giới hạn 445, Giới hạn 446, Giới hạn 447, Giới hạn 448, Giới hạn 449, Giới hạn 450, Giới hạn 451, Giới hạn 452, Giới hạn 453, Giới hạn 454, Giới hạn 455, Giới hạn 456, Giới hạn 457, Giới hạn 458, Giới hạn 459, Giới hạn 460, Giới hạn 461, Giới hạn 462, Giới hạn 463, Giới hạn 464, Giới hạn 465, Giới hạn 466, Giới hạn 467, Giới hạn 468, Giới hạn 469, Giới hạn 470, Giới hạn 471, Giới hạn 472, Giới hạn 473, Giới hạn 474, Giới hạn 475, Giới hạn 476, Giới hạn 477, Giới hạn 478, Giới hạn 479, Giới hạn 480, Giới hạn 481, Giới hạn 482, Giới hạn 483, Giới hạn 484, Giới hạn 485, Giới hạn 486, Giới hạn 487, Giới hạn 488, Giới hạn 489, Giới hạn 490, Giới hạn 491, Giới hạn 492, Giới hạn 493, Giới hạn 494, Giới hạn 495, Giới hạn 496, Giới hạn 497, Giới hạn 498, Giới hạn 499, Giới hạn 500, Giới hạn 501, Giới hạn 502, Giới hạn 503, Giới hạn 504, Giới hạn 505, Giới hạn 506, Giới hạn 507, Giới hạn 508, Giới hạn 509, Giới hạn 510, Giới hạn 511, Giới hạn 512, Giới hạn 513, Giới hạn 514, Giới hạn 515, Giới hạn 516, Giới hạn 517, Giới hạn 518, Giới hạn 519, Giới hạn 520, Giới hạn 521, Giới hạn 522, Giới hạn 523, Giới hạn 524, Giới hạn 525, Giới hạn 526, Giới hạn 527, Giới hạn 528, Giới hạn 529, Giới hạn 530, Giới hạn 531, Giới hạn 532, Giới hạn 533, Giới hạn 534, Giới hạn 535, Giới hạn 536, Giới hạn 537, Giới hạn 538, Giới hạn 539, Giới hạn 540, Giới hạn 541, Giới hạn 542, Giới hạn 543, Giới hạn 544, Giới hạn 545, Giới hạn 546, Giới hạn 547, Giới hạn 548, Giới hạn 549, Giới hạn 550, Giới hạn 551, Giới hạn 552, Giới hạn 553, Giới hạn 554, Giới hạn 555, Giới hạn 556, Giới hạn 557, Giới hạn 558, Giới hạn 559, Giới hạn 560, Giới hạn 561, Giới hạn 562, Giới hạn 563, Giới hạn 564, Giới hạn 565, Giới hạn 566, Giới hạn 567, Giới hạn 568, Giới hạn 569, Giới hạn 570, Giới hạn 571, Giới hạn 572, Giới hạn 573, Giới hạn 574, Giới hạn 575, Giới hạn 576, Giới hạn 577, Giới hạn 578, Giới hạn 579, Giới hạn 580, Giới hạn 581, Giới hạn 582, Giới hạn 583, Giới hạn 584, Giới hạn 585, Giới hạn 586, Giới hạn 587, Giới hạn 588, Giới hạn 589, Giới hạn 590, Giới hạn 591, Giới hạn 592, Giới hạn 593, Giới hạn 594, Giới hạn 595, Giới hạn 596, Giới hạn 597, Giới hạn 598, Giới hạn 599, Giới hạn 600, Giới hạn 601, Giới hạn 602, Giới hạn 603, Giới hạn 604, Giới hạn 605, Giới hạn 606, Giới hạn 607, Giới hạn 608, Giới hạn 609, Giới hạn 610, Giới hạn 611, Giới hạn 612, Giới hạn 613, Giới hạn 614, Giới hạn 615, Giới hạn 616, Giới hạn 617, Giới hạn 618, Giới hạn 619, Giới hạn 620, Giới hạn 621, Giới hạn 622, Giới hạn 623, Giới hạn 624, Giới hạn 625, Giới hạn 626, Giới hạn 627, Giới hạn 628, Giới hạn 629, Giới hạn 630, Giới hạn 631, Giới hạn 632, Giới hạn 633, Giới hạn 634, Giới hạn 635, Giới hạn 636, Giới hạn 637, Giới hạn 638, Giới hạn 639, Giới hạn 640, Giới hạn 641, Giới hạn 642, Giới hạn 643, Giới hạn 644, Giới hạn 645, Giới hạn 646, Giới hạn 647, Giới hạn 648, Giới hạn 649, Giới hạn 650, Giới hạn 651, Giới hạn 652, Giới hạn 653, Giới hạn 654, Giới hạn 655, Giới hạn 656, Giới hạn 657, Giới hạn 658, Giới hạn 659, Giới hạn 660, Giới hạn 661, Giới hạn 662, Giới hạn 663, Giới hạn 664, Giới hạn 665, Giới hạn 666, Giới hạn 667, Giới hạn 668, Giới hạn 669, Giới hạn 670, Giới hạn 671, Giới hạn 672, Giới hạn 673, Giới hạn 674, Giới hạn 675, Giới hạn 676, Giới hạn 677, Giới hạn 678, Giới hạn 679, Giới hạn 680, Giới hạn 681, Giới hạn 682, Giới hạn 683, Giới hạn 684, Giới hạn 685, Giới hạn 686, Giới hạn 687, Giới hạn 688, Giới hạn 689, Giới hạn 690, Giới hạn 691, Giới hạn 692, Giới hạn 693, Giới hạn 694, Giới hạn 695, Giới hạn 696, Giới hạn 697, Giới hạn 698, Giới hạn 699, Giới hạn 700, Giới hạn 701, Giới hạn 702, Giới hạn 703, Giới hạn 704, Giới hạn 705, Giới hạn 706, Giới hạn 707, Giới hạn 708, Giới hạn 709, Giới hạn 710, Giới hạn 711, Giới hạn 712, Giới hạn 713, Giới hạn 714, Giới hạn 715, Giới hạn 716, Giới hạn 717, Giới hạn 718, Giới hạn 719, Giới hạn 720, Giới hạn 721, Giới hạn 722, Giới hạn 723, Giới hạn 724, Giới hạn 725, Giới hạn 726, Giới hạn 727, Giới hạn 728, Giới hạn 729, Giới hạn 730, Giới hạn 731, Giới hạn 732, Giới hạn 733, Giới hạn 734, Giới hạn 735, Giới hạn 736, Giới hạn 737, Giới hạn 738, Giới hạn 739, Giới hạn 740, Giới hạn 741, Giới hạn 742, Giới hạn 743, Giới hạn 744, Giới hạn 745, Giới hạn 746, Giới hạn 747, Giới hạn 748, Giới hạn 749, Giới hạn 750, Giới hạn 751, Giới hạn 752, Giới hạn 753, Giới hạn 754, Giới hạn 755, Giới hạn 756, Giới hạn 757, Giới hạn 758, Giới hạn 759, Giới hạn 760, Giới hạn 761, Giới hạn 762, Giới hạn 763, Giới hạn 764, Giới hạn 765, Giới hạn 766, Giới hạn 767, Giới hạn 768, Giới hạn 769, Giới hạn 770, Giới hạn 771, Giới hạn 772, Giới hạn 773, Giới hạn 774, Giới hạn 775, Giới hạn 776, Giới hạn 777, Giới hạn 778, Giới hạn 779, Giới hạn 780, Giới hạn 781, Giới hạn 782, Giới hạn 783, Giới hạn 784, Giới hạn 785, Giới hạn 786, Giới hạn 787, Giới hạn 788, Giới hạn 789, Giới hạn 790, Giới hạn 791, Giới hạn 792, Giới hạn 793, Giới hạn 794, Giới hạn 795, Giới hạn 796, Giới hạn 797, Giới hạn 798, Giới hạn 799, Giới hạn 800, Giới hạn 801, Giới hạn 802, Giới hạn 803, Giới hạn 804, Giới hạn 805, Giới hạn 806, Giới hạn 807, Giới hạn 808, Giới hạn 809, Giới hạn 810, Giới hạn 811, Giới hạn 812, Giới hạn 813, Giới hạn 814, Giới hạn 815, Giới hạn 816, Giới hạn 817, Giới hạn 818, Giới hạn 819, Giới hạn 820, Giới hạn 821, Giới hạn 822, Giới hạn 823, Giới hạn 824, Giới hạn 825, Giới hạn 826, Giới hạn 827, Giới hạn 828, Giới hạn 829, Giới hạn 830, Giới hạn 831, Giới hạn 832, Giới hạn 833, Giới hạn 834, Giới hạn 835, Giới hạn 836, Giới hạn 837, Giới hạn 838, Giới hạn 839, Giới hạn 840, Giới hạn 841, Giới hạn 842, Giới hạn 843, Giới hạn 844, Giới hạn 845, Giới hạn 846, Giới hạn 847, Giới hạn 848, Giới hạn 849, Giới hạn 850, Giới hạn 851, Giới hạn 852, Giới hạn 853, Giới hạn 854, Giới hạn 855, Giới hạn 856, Giới hạn 857, Giới hạn 858, Giới hạn 859, Giới hạn 860, Giới hạn 861, Giới hạn 862, Giới hạn 863, Giới hạn 864, Giới hạn 865, Giới hạn 866, Giới hạn 867, Giới hạn 868, Giới hạn 869, Giới hạn 870, Giới hạn 871, Giới hạn 872, Giới hạn 873, Giới hạn 874, Giới hạn 875, Giới hạn 876, Giới hạn 877, Giới hạn 878, Giới hạn 879, Giới hạn 880, Giới hạn 881, Giới hạn 882, Giới hạn 883, Giới hạn 884, Giới hạn 885, Giới hạn 886, Giới hạn 887, Giới hạn 888, Giới hạn 889, Giới hạn 890, Giới hạn 891, Giới hạn 892, Giới hạn 893, Giới hạn 894, Giới hạn 895, Giới hạn 896, Giới hạn 897, Giới hạn 898, Giới hạn 899, Giới hạn 900, Giới hạn 901, Giới hạn 902, Giới hạn 903, Giới hạn 904, Giới hạn 905, Giới hạn 906, Giới hạn 907, Giới hạn 908, Giới hạn 909, Giới hạn 910, Giới hạn 911, Giới hạn 912, Giới hạn 913, Giới hạn 914, Giới hạn 915, Giới hạn 916, Giới hạn 917, Giới hạn 918, Giới hạn 919, Giới hạn 920, Giới hạn 921, Giới hạn 922, Giới hạn 923, Giới hạn 924, Giới hạn 925, Giới hạn 926, Giới hạn 927, Giới hạn 928, Giới hạn 929, Giới hạn 930, Giới hạn 931, Giới hạn 932, Giới hạn 933, Giới hạn 934, Giới hạn 935, Giới hạn 936, Giới hạn 937, Giới hạn 938, Giới hạn 939, Giới hạn 940, Giới hạn 941, Giới hạn 942, Giới hạn 943, Giới hạn 944, Giới hạn 945, Giới hạn 946, Giới hạn 947, Giới hạn 948, Giới hạn 949, Giới hạn 950, Giới hạn 951, Giới hạn 952, Giới hạn 953, Giới hạn 954, Giới hạn 955, Giới hạn 956, Giới hạn 957, Giới hạn 958, Giới hạn 959, Giới hạn 960, Giới hạn 961, Giới hạn 962, Giới hạn 963, Giới hạn 964, Giới hạn 965, Giới hạn 966, Giới hạn 967, Giới hạn 968, Giới hạn 969, Giới hạn 970, Giới hạn 971, Giới hạn 972, Giới hạn 973, Giới hạn 974, Giới hạn 975, Giới hạn 976, Giới hạn 977, Giới hạn 978, Giới hạn 979, Giới hạn 980, Giới hạn 981, Giới hạn 982, Giới hạn 983, Giới hạn 984, Giới hạn 985, Giới hạn 986, Giới hạn 987, Giới hạn 988, Giới hạn 989, Giới hạn 990, Giới hạn 991, Giới hạn 992, Giới hạn 993, Giới hạn 994, Giới hạn 995, Giới hạn 996, Giới hạn 997, Giới hạn 998, Giới hạn 999, Giới hạn 1000, Giới hạn 1001, Giới hạn 1002, Giới hạn 1003, Giới hạn 1004, Giới hạn 1005, Giới hạn 1006, Giới hạn 1007, Giới hạn 1008, Giới hạn 1009, Giới hạn 1010, Giới hạn 1011, Giới hạn 1012, Giới hạn 1013, Giới hạn 1014, Giới hạn 1015, Giới hạn 1016, Giới hạn 1017, Giới hạn 1018, Giới hạn 1019, Giới hạn 1020, Giới hạn 1021, Giới hạn 1022, Giới hạn 1023, Giới hạn 1024, Giới hạn 1025, Giới hạn 1026, Giới hạn 1027, Giới hạn 1028, Giới hạn 1029, Giới hạn 1030, Giới hạn 1031, Giới hạn 1032, Giới hạn 1033, Giới hạn 1034, Giới hạn 1035, Giới hạn 1036, Giới hạn 1037, Giới hạn 1038, Giới hạn 1039, Giới hạn 1040, Giới hạn 1041, Giới hạn 1042, Giới hạn 1043, Giới hạn 1044, Giới hạn 1045, Giới hạn 1046, Giới hạn 1047, Giới hạn 1048, Giới hạn 1049, Giới hạn 1050, Giới hạn 1051, Giới hạn 1052, Giới hạn 1053, Giới hạn 1054, Giới hạn 1055, Giới hạn 1056, Giới hạn 1057, Giới hạn 1058, Giới hạn 1059, Giới hạn 1060, Giới hạn 1061, Giới hạn 1062, Giới hạn 1063, Giới hạn 1064, Giới hạn 1065, Giới hạn 1066, Giới hạn 1067, Giới hạn 1068, Giới hạn 1069, Giới hạn 1070, Giới hạn 1071, Giới hạn 1072, Giới hạn 1073, Giới hạn 1074, Giới hạn 1075, Giới hạn 1076, Giới hạn 1077, Giới hạn 1078, Giới hạn 1079, Giới hạn 1080, Giới hạn 1081, Giới hạn 1082, Giới hạn 1083, Giới hạn 1084, Giới hạn 1085, Giới hạn 1086, Giới hạn 1087, Giới hạn 1088, Giới hạn 1089, Giới hạn 1090, Giới hạn 1091, Giới hạn 1092, Giới hạn 1093, Giới hạn 1094, Giới hạn 1095, Giới hạn 1096, Giới hạn 1097, Giới hạn 1098, Giới hạn 1099, Giới hạn 1100, Giới hạn 1101, Giới hạn 1102, Giới hạn 1103, Giới hạn 1104, Giới hạn 1105, Giới hạn 1106, Giới hạn 1107, Giới hạn 1108, Giới hạn 1109, Giới hạn 1110, Giới hạn 1111, Giới hạn 1112, Giới hạn 1113, Giới hạn 1114, Giới hạn 1115, Giới hạn 1116, Giới hạn 1117, Giới hạn 1118,																					

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Dự toán 2025				Quyết toán 2025				So sánh			
			Chi BT phát triển (bảng kế CTMTQG)	Chi TX (bảng kế CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG		Chi BT phát triển	Chi TX	Chi chuyển nguồn	Tổng chi	Chi BT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi BT phát triển (bảng kế CTMTQG)							
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kỵ Phú - Tân Yên (805373)	339.445				339.445		339.445		0	100%			100%
	Đầu chỉnh, sửa chữa đường cấp đường xã Kỵ Phú, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (805385)	2.007	2.007			2.007	2.007			0	100%			100%
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Kỵ Phú - Tân Yên (805355)	907.045				907.045		907.045		0	100%			100%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2023 (gói 5) HK: Đường BTXA xóm Gĩa 2, Dục 1, Bàu 2, Đình 2 (805398)	33.885				33.885		33.885	0	100%				100%
	Đường giao thông nông thôn xã Kỵ Phú năm 2023 (mở rộng) (8002462)	130.641				130.641		130.641	0	100%				100%
	Đường giao thông nông thôn xã Kỵ Phú năm 2023 (gói 1) mở rộng (8005375)	453.584				453.584		453.584	18.733	89.63%				89.63%
	Đường giao thông nông thôn xã Kỵ Phú năm 2023 (gói 3) (8005370)	28.903				28.903		28.903	7.326	74.71%				74.71%
	Đường kế hoạch và mở rộng từ công trường Chiếm đất huyện nông thôn xóm Đình 2 xã Tân Yên (800914)	221.287	169.825			221.287	169.825		51.972	76.51%	99.71%			
	Nhà văn hoá xóm Đình 3 xã Kỵ Phú: Hạng mục: Nhà vệ sinh, tường rào (8069458)	126.281				126.281		126.281	0	100%				100%
	Mở rộng xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Yên huyện Đại Từ (8074314)	51.604	51.604			51.604	51.604		0	99.81%	99.81%			
	Đường giao thông nông thôn xã Kỵ Phú năm 2024 (Gói 1 - mở rộng) (8093736)	444.769				444.769		444.769	46.689	61.82%				61.82%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2023 (Gói 9) HK: Kế đường BTXA nông thôn xóm Bàu 2 (8105342)	41.621				41.621		41.621	0	100%				100%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Đình 1 (8106739)	51.635				51.635		51.635	0	69.47%				69.47%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Đình 1 (8106740)	113.544				113.544		113.544	0	100%				100%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Mỗ (8106741)	230.599				230.599		230.599	27.223	61.64%				61.64%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Kỵ	143.175				143.175		143.175	0	100%				100%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Đình 2 (8106743)	99.037				99.037		99.037	0	50%				50%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) HK: Đường BTXA xóm Gĩa	24.077				24.077		24.077	0	100%				100%
	Công bố báo xóm Dục xã Kỵ	2.351.884	31.884			2.351.884	31.884		0	62.91%	28.02%			62.91%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) HK: Đường kế tổng xã nông thôn Kỵ	162.720				162.720		162.720	0	64.94%				64.94%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) HK: Đường kế tổng xã nông thôn Mỗ	202.714				202.714		202.714	0	69.57%				69.57%
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) HK: Đường kế tổng xã nông thôn Gĩa	226.313				226.313		226.313	0	69.57%				69.57%

Dự toán 2025													Quyết toán 2025													So sánh				
STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi BT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng số	Chi BT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Tổng chi	Chi BT	Chi TX	Chi CTMT-QC										
						Chi BT	Chi TX	Chi BT phát triển					Chi BT	Chi TX	Chi BT phát triển						Chi TX									
	Dương giáo thông nông thôn xóm Mây, xã Văn Phú năm 2025, Hàng mục: Dương bê tông xi măng xóm Mây (8164508)	37.643							32.643								32.643	0			0									
	Dương giáo thông nông thôn xóm Gĩa 1, xã Văn Phú năm 2025, Hàng mục: Mỏ rừng Dương bê tông xi măng xóm Gĩa 1 (8164456)	31.062							31.062								31.062	0			0									
	Dương giáo thông nông thôn xóm Gĩa 1, xã Văn Phú năm 2025 (Gĩa 2), Hàng mục: Dương bê tông xi măng xóm Gĩa 1 (8168379)	28.021							28.021								28.021	0			0									
B	Chi trả nợ lãi do chỉnh quyền địa phương văn																													
C	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính																													
D	Dự phòng ngân sách	137.335											137.335																	
E	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương																													
F	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới																													
G	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	31.541.678															31.541.678													

THAI NGUYEN



QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Biểu số 08 (Mẫu biểu số 55/NĐ 3

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm				Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi an ninh và trật tự an ninh xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát triển thanh niên, thể thao	Chi thể bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó				Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung điều chỉnh	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản										Chi SN khác							
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/21
TỔNG SỐ		30.756.000	1.490.537		29.265.463	20.992.878	2.426.042					126.281	126.281	117.295		17.867.458	9.032.385	3.118.328	5.724.644	447.902			68,2
1	Trung tâm dịch vụ tổng hợp Đường GTNT xã Vạn Yên năm 2022 (gói 3) Hạng: Đường BT24 xóm Mây, Kỳ Linh, Giã 2, Dưới 2 (79.789.90)	30.556.000	1.490.537		29.065.463	20.984.978	2.426.042					126.281	126.281	117.295		17.867.458	9.032.385	3.118.328	5.716.744	447.902			68,2
	Dường GTNT xã Vạn Yên năm 2022 (gói 1) Hạng: Đường BT24 xóm Bàu 2, Bàu 1, Dưới 2, Dưới 3, Giã 2, Giã 1, Cầu Cầu (79.789.90)	15.246			15.246	15.246										15.246	15.246						100,0
	Dường GTNT xã Vạn Yên năm 2022 (gói 1) Hạng: Đường BT24 xóm Bàu 2, Bàu 1, Dưới 2, Dưới 3, Giã 2, Giã 1, Cầu Cầu (79.789.90)	103.134			103.134	66.528										66.528	66.528						64,5
	Trường Tiểu học Vạn Yên, hạng mục: Nhà học 3 tầng, 12 phòng (804.999)	130.000	130.000		130.000	130.000	130.000																100,0
	Dường liên xã Vạn Yên - Mỹ Yên - Lạc Hạ (Thước đo phân xã Vạn Yên) (804.788)	874.961			874.961	692.493										692.493	692.493						79,1
	Nội thất văn phòng Tiểu học Kỳ Phú (805.0833)	123.000			123.000	123.000	123.000																100,0
	Truyền thanh từ vai Bê Cỏ đến đồng nghiệp xóm Duyệt xã Kỳ Phú (805.0836)	154.976	105.000		49.976	154.976										154.976		154.976					100,0
	Máy bơm, nâng cấp tuyến đường từ đường DT261 đến trường mầm non, trung tâm văn hóa thể thao xã Kỳ Phú (805.0837)	37.000	37.000		37.000	37.000										37.000	37.000						100,0
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kỳ Phú - Vạn Yên (805.273)	339.445	47.895		291.550	339.445										339.445	339.445						100,0
	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Kỳ Phú, huyện Đại Lộc, tỉnh Trà Vinh (805.383)	2.007			2.007	2.007										2.007							100,0
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Kỳ Phú - Vạn Yên (805.155)	907.045	85.408		821.637	907.045										907.045	907.045						100,0
	Dường GTNT xã Vạn Yên năm 2023 (gói 3) Hạng: Đường BT24 xóm Giã 2, Dưới 1, Bàu 2, Dưới 2 (805.598)	33.885			33.885	33.885										33.885	33.885						100,0
	Dường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (mở rộng) (805.463)	130.641			130.641	130.641										130.641	130.641						100,0
	Dường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (gói 1) mở rộng (805.373)	452.584			452.584	433.851										433.851	433.851						95,8
	Dường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (gói 3) (805.370)	28.963			28.963	21.637										21.637	21.637						74,7
	Dường bê tông xi măng đoạn từ công trình Chiếm địa vị xã Vạn Yên (805.14)	221.297			221.297	169.325										169.325	169.325						76,5

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quốc toái	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghiệp	Chi khoa học và số phòng số ng	Chi quốc d số phòng toái x hội	Chi an ninh và t dân số và xã định	Chi y t đàn số định	Chi y t đàn số định	Chi phát thành truyền thông dân	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các loại động kinh tế	Trong đó				Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đang, đoàn thể	Chi đầu tư bảo đảm khác	Chi đầu tư bảo đảm khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước	Dự toán tính năm	Dự toán Bổ chính												7	8	9	10				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/21	
	Nhà văn hoá xóm Dân 3 xã Kỳ Phú; Hàng mục: Nhà vệ sinh, tường rào(8069458)	126.281			126.281	126.281						126.281											100,0	
	Mô phỏng xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Văn Yên huyện Đại Tý(8074314)	51.604	51.604			51.508														51.508			99,8	
	Đường giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2024 (Gói 1 - mở rộng)(8093736)	444.769			444.769	398.080										398.080	398.080						89,9	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2023 (Gói 9) HMT: Kê đường BTXM nông thôn xóm Bản 2(8105342)	41.621			41.621	41.621										41.621	41.621						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Dưới (8106739)	51.635			51.635	51.635										51.635	51.635						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Đình (8106740)	113.544			113.544	113.544										113.544	113.544						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Mây(8106741)	230.599			230.599	203.376										203.376	203.376						88,1	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Kỳ Linh(8106742)	143.175			143.175	143.175										143.175	143.175						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Đình (8106743)	99.037			99.037	99.037										99.037	99.037						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (Gói 1) HMT: Đường BTXM xóm Cầu Giàng(8106744)	24.077			24.077	24.077										24.077	24.077						100,0	
	Công Bồ Hôn xóm Dân xã Kỳ Phú(8116949)	2.351.884	470.000		1.881.884	2.328.942										2.328.942	2.328.942						99,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (gói 2) HMT: Đường bê tông xi măng xóm Kỳ Linh(8117406)	162.720	36.965		125.755	162.720										162.720	162.720						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (gói 2) HMT: Đường bê tông xi măng xóm Mây (huyện 2)(8117407)	202.714			202.714	202.714										202.714	202.714						100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (gói 2) HMT: Đường bê tông xi măng xóm Giữa 2 (huyện 2)(8117408)	226.313			226.313	226.313										226.313	226.313						100,0	
	Sân thể thao xã Kỳ Phú, Hàng mục: Đường bê tông và cốt thép chiếu sáng trong sân, Bồn (tên)(8117680)	117.295			117.295	117.295							117.295										100,0	
	Đường GINT xã Văn Yên năm 2024 (gói 2) HMT: Đường bê tông xi măng bê đá bảo vệ đường xóm Giữa (8117688)	59.262			59.262	59.262										59.262	59.262						100,0	
	Đường giao thông nông thôn xã Văn Thọ năm 2024 (gói 2)(8118191)	176.842			176.842	176.842										176.842	176.842						100,0	
	Đường giao thông nông thôn xã Văn Thọ năm 2024 (gói 1)(8118192)	27.907			27.907	27.907										27.907	27.907						100,0	

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giới địa bộ tạo và xây năng	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát triển, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung biên chỉnh												Chi giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/39
	Đường giao thông nông thôn xóm Giữa 1, xã Vạn Phú năm 2025; Hàng mục: Mỏ rỗng Đường bê tông xi măng xóm Giữa 1 (8164456)	31.062			31.062																		
	Đường giao thông nông thôn xóm Giữa 1, xã Vạn Phú năm 2025 (Coi 2); Hàng mục: Đường bê tông xi măng xóm Giữa 1 (8168379)	28.021			28.021																		
II	Phòng Kinh tế	200.000			200.000	7.900										7.900			7.900				3,9
	Quy hoạch chung xã Vạn Phú, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045(8162555)	200.000			200.000	7.900										7.900			7.900				3,9



QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thể thao và thông tin	Chi phát triển thanh niên, thể thao	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trên 66			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xây dựng khác	Chi chi thường xuyên khác	Số So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung												Chi năng lực quản lý, điều hành	Chi năng lực chuyên môn	Chi năng lực hỗ trợ				
A	B	1-2-3-4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22-51
	TỔNG SỐ	123.275.428	638.442	75.206.001	47.430.988	120.580.796	65.322.187		1.869.586	2.283.340	919.126	519.500	83.317	83.317		2.913.266	10.000	2.509.589	392.677	37.887.152	8.913.322		97,90
I	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã	57.331.638	638.442	23.376.701	33.306.488	55.888.609	30.000		1.869.586	2.283.340	919.126	519.500	83.317	83.317		2.913.266	10.000	2.509.589	392.677	37.887.152	8.913.322		96,63
1	Văn phòng Đảng ủy xã Vạn Phú(147729)	6.889.172		2.054.500	4.834.672	6.748.985														6.748.985			97,97
2	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Vạn Phú(151032)	9.500.156	27.720	1.211.000	8.266.437	9.500.083														9.500.083			100,00
3	Văn phòng HĐND và UBND xã Vạn Phú(151032)	19.733.469	541.964	15.940.578	3.250.928	19.476.084			1.869.586	2.183.340										15.399.158	24.000		98,70
4	Phòng hành chính tổng hợp xã Vạn Phú(147092)	3.249.136		572.778	2.676.359	2.585.866										395.677	10.000		385.677	2.190.188			79,59
5	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú(157205)	12.734.639	68.758	2.764.301	9.301.580	12.622.283	30.000				919.126	519.500		83.317		8.000			8.000	2.175.018	8.889.222		99,12
6	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Vạn Phú(163923)	4.260.666		460.000	3.800.666	3.500.936										2.509.589		2.459.589		991.348			82,17
7	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vạn Phú(147096)	854.390		372.544	481.846	854.372														854.372			100,00
II	Các đơn vị trường học thuộc xã	65.553.800		51.829.300	14.124.500	65.292.187	65.292.187																100,00
	Trường Mầm non Kỳ Phú(029014)	8.409.679		6.735.100	1.650.579	8.389.363	8.389.363																99,00
	Trường Mầm non Vạn Phú(029017)	5.761.997		4.456.000	1.305.997	5.761.997	5.761.997																99,76
	Trường Tiểu học Vạn Phú(029252)	7.936.891		6.194.100	1.742.791	7.936.891	7.936.891																100,00
	Trường Tiểu học Vạn Phú(038657)	9.263.129		7.339.700	1.923.429	9.153.710	9.153.710																100,00
	Trường Tiểu học Kỳ Phú(038899)	10.589.555		8.465.100	2.090.455	10.551.214	10.551.214																98,82
	Trường Trung học cơ sở Kỳ Phú(038644)	6.732.197		4.935.700	1.796.497	6.208.660	6.208.660																92,22
	Trường THCS Vạn Phú(047759)	7.486.710		6.035.800	1.450.910	7.486.710	7.486.710																100,00
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vạn Phú(131363)	9.783.642		7.639.800	2.143.842	9.783.642	9.783.642																100,00
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Vạn Phú(167383)	20.000			20.000	20.000	20.000																100,00



Biểu số 10 (Mẫu biểu số 57/NĐ 31)

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (kể cả số ghi thu, ghi chi)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	TỔNG CỘNG	123.275.428	638.442	75.206.001	47.430.988		120.680.796	2.594.632		
I	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã	57.321.628	638.442	23.376.701	33.306.488		55.388.609	1.933.019		
	Văn phòng Đảng ủy xã Vạn Phú(1147729)	6.889.172		2.054.500	4.834.672		6.748.985	140.187		
	Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Vạn Phú(1147693)	9.500.156	27.720	1.212.000	8.260.437		9.500.083	73		
	Văn phòng HĐND và UBND xã Vạn Phú(1151032)	19.733.469	541.964	15.940.578	3.250.928		19.476.084	257.385		
	Phòng kinh tế xã Vạn Phú(1147692)	3.249.136		572.778	2.676.359		2.585.866	663.270		
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú(1157206)	12.734.639	68.758	2.764.301	9.901.580		12.622.283	112.356		
	Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vạn Phú(1147696)	854.390		372.544	481.846		854.372	18		
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã Vạn Phú(1163923)	4.260.666		460.000	3.800.666		3.500.936	759.730		
	Công an xã Vạn Phú(9119913)	100.000			100.000		100.000			
II	Các đơn vị trường học thuộc xã	65.953.800		51.829.300	14.124.500		65.292.187	661.613		
	Trường Mầm non Kỳ Phú(1029014)	8.409.679		6.759.100	1.650.579		8.389.363	20.316		
	Trường Mầm non Vạn Thọ(1029017)	5.761.997		4.456.000	1.305.997		5.761.997			
	Trường Mầm non Văn Yên(1029252)	7.936.891		6.194.100	1.742.791		7.936.891			
	Trường tiểu học Văn Yên(1038637)	9.263.129		7.339.700	1.923.429		9.153.710	109.419		
	Trường tiểu học Kỳ Phú(1038899)	10.559.555		8.469.100	2.090.455		10.551.214	8.341		
	Trường trung học cơ sở Kỳ Phú(1038644)	6.732.197		4.935.700	1.796.497		6.208.660	523.537		
	Trường THCS Văn Yên(1047759)	7.486.710		6.035.800	1.450.910		7.486.710			
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vạn Thọ(1131385)	9.783.642		7.639.800	2.143.842		9.783.642			
	Trung tâm học tập cộng đồng xã Vạn Phú(1167283)	20.000			20.000		20.000			



QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG ĐỊA BÀN 2025

(Kèm theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 31/03/2026 của UBND xã Văn Phú)

STT		Tên đơn vị	Tăng số Dự toán	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi bổ sung chuyển nhượng sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
				Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên					Chi đầu tư phát triển					Chi thường xuyên								
				Tổng số	Trong đó	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Trong đó	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Trong đó	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển	Tổng số	Trong đó	Chi đầu tư phát triển	Chi đầu tư phát triển					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=1/1	24=12/2	25=15/5	
TỔNG CỘNG																											
1	Các cơ quan, đơn vị thuộc xã	57.321.628	14.047.145	3.184.133	172.255.670	62.933.806	17.728.612	16.708.854	1.019.758	141.673.674	10.762.703	1.886.403	54.507.022	30.000	11.111.766	10.230.174	881.586	881.586	881.586	881.586	881.586	881.586	881.586	881.586	91,98	76,62	97,99
1	Sở Văn Phú	6.889.172			6.889.172					6.889.172					6.889.172										97,97		97,97
2	114769 - Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Văn Phú	9.500.156			9.500.156					9.500.083					9.500.083										100,00		100,00
3	UBND xã Văn Phú	19.735.469			19.735.469					19.476.084					19.452.084										98,70		98,69
4	114769 - Phòng Cảnh sát xã Văn Phú	3.249.136			3.163.136					86.000					2.499.866										79,59		79,03
5	115706 - Phòng Văn hóa - Xã	12.734.639			12.304.881					429.758					12.193.946										99,12		99,10
6	114766 - Trung tâm phục vụ hành chính công xã Văn Phú	854.390			854.390					854.372					854.372										100,00		100,00
7	116303 - Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú	4.260.666			3.780.666					480.000					3.157.686										82,17		83,52
8	911913 - Công an xã Văn Phú	100.000			100.000					100.000					100.000										100,00		100,00
II Các đơn vị trường học thuộc xã																											
1	102904 - Trường Mầm non Kỳ Phú	65.933.806			65.933.806					65.272.187					65.272.187										99,00		99,00
2	102907 - Trường Mầm non Văn Thôn	8.409.679			8.409.679					8.389.363					8.389.363										99,76		99,76
3	102923 - Trường Mầm non Văn Yên	7.936.891			7.936.891					7.936.891					7.936.891										100,00		100,00
4	103857 - Trường tiểu học Văn Yên	9.263.129			9.263.129					9.153.710					9.153.710										98,82		98,82
5	103899 - Trường tiểu học Kỳ Phú	10.559.555			10.559.555					10.551.214					10.551.214										99,92		99,92
6	103844 - Trường trung học cơ sở Kỳ Phú	6.732.197			6.732.197					6.208.660					6.208.660										92,22		92,22
7	104739 - Trường THCS Văn Yên	7.486.710			7.486.710					7.486.710					7.486.710										100,00		100,00
8	111385 - Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Văn Thôn	9.783.642			9.783.642					9.783.642					9.783.642										100,00		100,00
III Các đơn vị khác thuộc xã																											
1	6904 Ông xã Văn Phú	20.000			20.000					20.000					20.000										68,28		100,00
2	797830 - Đường GTNT xã Văn Yên năm 2022(giải 3) HK	15.246			15.246					15.246					15.246										100,00		100,00
3	797831 - Đường GTNT xã Văn Yên năm 2022(giải 1) HK	103.134			103.134					103.134					103.134										64,31		64,31
4	804399 - Trường Tiểu học Văn Thôn 12 phòng	130.000			130.000					130.000					130.000										100,00		100,00
5	804789 - Đường liên xã Văn Yên - Mỹ Yên - Lưu Ba Thuộc địa phương xã Văn Yên	874.961			6.937					888.024					888.024										79,15		100,00
6	805835 - Nhà thờ văn phòng Tiểu học Kỳ Phú	123.000								123.000					123.000										100,00		100,00
7	805836 - Tuyến kênh từ và Bờ Cũ dân đóng được xã Văn Phú	154.976			154.976					154.976					154.976										100,00		100,00

STT	Tên đơn vị	Tổng số dự toán	Tổng dự báo toàn										So sánh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
			Chi đầu tư phát triển		Chi thường xuyên		Chi CNTT/QC		Chi khác																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
			Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó	Chi nộp ngân sách năm	Chi đầu tư phát triển																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
															Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
																			Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
8	8050837 - M&P rừng, nâng cấp tuyến đường từ đường DT7261 đến trường mầm non, trung tâm văn hóa thể thao xã Kỳ Phú	37.000		37.000		37.000		37.000																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	

[illegible]



QUYẾT TOÁN CHI ĐÓNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỈNH HUYỆN (XÃ) NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Tân Phú)

Đơn vị tính: Ngân đồng

Đơn vị	Dự toán					Quyết toán					So sánh (%)				
	Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu					Bổ sung có mục tiêu				
	Tổng số	Vốn ngoài nước	Gồm		Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Tổng số	Bổ sung của đối ngân sách	Tổng số	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Tổng số	Bổ sung của đối ngân sách	Tổng số	Gồm	
			Vốn ngoài nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ										Vốn ngoài nước	Vốn trong nước
B	1	2	3=4+5	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15=16+17	16=17+18	19=15+17
NG SỞ	123.503.000	17.645.000	105.858.000	84.205.000	4.352.000	169.677.379	17.645.000	152.032.379		130.157.915	10.762.703	0	11.111.760	137	100
Phí	123.503.000	17.645.000	105.858.000	84.205.000	4.352.000	169.677.379	17.645.000	152.032.379		130.157.915	10.762.703	0	11.111.760	137	100



UBND XÃ VẠN PHÚ

Biểu số 13 (Mẫu biểu số 60/NĐ 31)

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSDP	Trong đó				Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Thu từ kết dư năm trước
			Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
A	B	1	2	3	4	5	6	
	TỔNG CỘNG	174.950.830	865.952	17.645.000	152.032.379	3.978.313	429.186	
1	Vạn Phú	174.950.830	865.952	17.645.000	152.032.379	3.978.313	429.186	



UBND XÃ VĂN PHÚ

Biên số 14 (Mẫu biên số 61/NĐ 31)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Văn Phú)

STT	Kính phí năm trước chuyển sang	Chưa trả		Dự toán năm 2025	Chưa trả										Trong đó					Đơn vị tính: Nghìn đồng			
		Vốn đầu tư	Vốn		Vốn đầu tư				Vốn sự nghiệp				Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kế hoạch, Vốn sự nghiệp	Trong đó		Kính phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
					Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp								
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19			
	TỔNG CỘNG	801.926	951.537	68.758	17.778.612	15.757.317		15.757.317	1.019.758		951.000	11.111.760	10.230.174	881.586				6.616.852	6.478.640	138.172			
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghiệp vụ của ngân sách cấp huyện năm 2021-2025 (104.73)				738.000				738.000			601.250		601.250				136.750		136.750			
1.1	Ba định mức kinh tế, phí tiền mỗ nhà, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				295.000				295.000			254.430		254.430				40.570		40.570			
	Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú (1.659.23)				295.000				295.000			254.430		254.430				40.570		40.570			
1.2	Bộ trợ phát triển cho xuất, cải thiện đời sống người dân nghèo, các trường trung cấp (104.73)				190.000				190.000			126.820		126.820				63.180		63.180			
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				38.000				38.000			38.000		38.000									
	Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú (1.639.23)				152.000				152.000			88.820		88.820				63.180		63.180			
1.3	Tổng cộng giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				108.000				108.000			108.000		108.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				108.000				108.000			108.000		108.000									
1.4	Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú (1.639.23)				14.000				14.000			14.000		14.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				14.000				14.000			14.000		14.000									
1.5	Năng lực quản lý và giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				71.000				71.000			71.000		71.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.470.57)				71.000				71.000			71.000		71.000									
1.6	Ba định mức kinh tế, phí tiền mỗ nhà, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				22.000				22.000														
	Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú (1.639.23)				22.000				22.000														
1.7	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống người dân nghèo, các trường trung cấp (104.73)				14.000				14.000			3.000		3.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				3.000				3.000			3.000		3.000									
	Trung tâm dịch vụ công cấp xã Văn Phú (1.639.23)				11.000				11.000														
1.8	Phân bổ kinh phí ngân sách cấp huyện, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				8.000				8.000			8.000		8.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				8.000				8.000			8.000		8.000									
1.9	Tổng cộng giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				1.000				1.000			1.000		1.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.572.06)				1.000				1.000			1.000		1.000									
1.10	Phân bổ kinh phí ngân sách cấp huyện, giảm nghiệp vụ ngân sách cấp huyện (104.73)				6.000				6.000			6.000		6.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Văn Phú (1.470.57)				6.000				6.000			6.000		6.000									

STT	Chi tiêu	Kính phí năm trước chuyển sang	Chưa ra		Dự toán năm 2025	Chưa ra						Trong đó		Trong đó		Trong đó				
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư		Chưa ra		Vốn sự nghiệp		Quyết toán năm 2025	Trong đó		KPI giảm, vốn sự nghiệp	Kính phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó			
						Tổng vốn đầu tư	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp						
1.11	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp xã (04017)				9.000					9.000										
	Phòng hành tế xã Lèn Phú (117692)				9.000					9.000										
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)	801.920	951.537	68.758	1.6391.612	15.757.317	15.757.317	222.758		9.000			9.000	10.451.510	10.230.174	221.336		6.480.102	6.478.680	1.422
2.1	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)	226.197	356.197		1.999.591	1.643.394								1.539.230	1.539.236			460.361	460.361	
	Trường Tiểu học Yên Yên, hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng (8043999)		130.000		130.000									130.000	130.000					
	Nhà thi viện trường Tiểu học Kỳ Phú (8050835)				123.000			123.000						123.000	123.000					
	Mô hình, năng cấp tuyến đường từ đường ĐT761 đến trường mầm non, trung tâm văn hóa thể thao xã Kỳ Phú (8050837)	37.000	37.000		37.000									37.000	37.000					
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kỳ Phú - Yên Yên (8052773)	47.895	47.895		47.895									47.895	47.895					
	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên xã Kỳ Phú - Yên Tho (805155)		100.000		100.000			100.000						100.000	100.000					
	Công bố Hòn xóm Dưa xã Kỳ Phú (8116949)				500.000			500.000						500.000	500.000					
	Chỉnh trang và hạ tầng chiếu sáng tuyến đường ĐT 363B đoạn qua trung tâm xã Yên Yên, huyện Đại Từ (8143958)	141.302	141.302		141.302									141.302	141.302					
	Trường Mầm non Kỳ Phú, Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ (8144377)			547.000	547.000			547.000						286.639	286.639			260.361	260.361	
	Đường vào điểm tập kết rác thải xã Yên Phú - 8170711			200.000	200.000			200.000						0	0			200.000	200.000	
	Dự án mua sắm hệ thống trung thất bị phứ vụ công tác tuyến nguồn nước mới xã Yên Phú - 8172291			173.394	173.394			173.394						173.394	173.394					
2.2	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn miền núi ngân sách trung ương (10496)			154.000										154.000	152.578	152.578		1.422		1.422
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Yên Phú (1157260)			154.000				154.000						152.578	152.578			1.422		1.422
2.3	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (04092)	575.773	595.340	68.758	1.478.021	14.113.923	14.113.923	68.758						8.759.703	8.690.245	68.758		6.018.318	6.018.318	
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Yên Phú (1157260)	68.758		68.758				68.758						68.758	68.758					
	Đường GTNT xã Yên Yên năm 2022(giai 3) FM4: Đường ĐT34 xóm Mỏ, Kỳ Lĩnh, Gồm 2, Duet 2 (7978930)			15.246		15.246								15.246	15.246					
	Đường GTNT xã Yên Yên năm 2022(giai 1) FM4: Đường ĐT34 xóm Bả 2, Bả 1, Duet 2, Gồm 2, Gồm 2, Gồm 1, Cầu Gông (7978931)			103.134		103.134		103.134						66.528	66.528			36.606	36.606	
	Đường liên xã Yên Yên - Mỹ Yên - Lục Ba (Thước đo phân xã Yên Yên) (8047089)			868.024		868.024		868.024						685.556	685.556			182.468	182.468	
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Kỳ Phú - Yên Yên (8053773)			291.550		291.550		291.550						291.550	291.550					

STT	Chi tiêu	Kính phí năm trước chuyển sang	Chưa ra			Chưa ra						Trong đó		Trong đó		Trong đó		Trong đó	
			Vốn đầu tư	Vốn nghiệp vụ	Dự toán năm 2025	Vốn đầu tư			Vốn nghiệp vụ			Quyết toán năm 2025	Vốn đầu tư	Vốn nghiệp vụ	Kế toán	Vốn đầu tư	Vốn nghiệp vụ	Kế toán	Vốn đầu tư
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn đầu năm								
	Nhà cấp, nước ngoài nhận đóng tiền xã Kỳ Phú - huyện Thọ (8055135)		85.408		807.045	721.637		721.637				807.045	807.045						
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) H&K: Đường bê tông xi măng bê đá bảo vệ đường xã Giai 2- 8117688 (8085198)				33.885	33.885		33.885				33.885		33.885					
	Dương giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (mô 7-); (8063402)				130.641	130.641		130.641				130.641		130.641					
	Dương giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (Gói 1) mô 7-; (8063373)				432.584	432.584		432.584				433.851		433.851				18.733	18.733
	Dương giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2023 (Gói 3) - 8065370				28.603	28.603		28.603				21.637		21.637				7.326	7.326
	Nhà văn hoá xã Sơn Đùn 3 xã Kỳ Phú: (8089438)				126.281	126.281		126.281				126.281		126.281					
	Dương giao thông nông thôn xã Kỳ Phú năm 2024 (Gói 1 - mô 7-); (8037353)				444.769	444.769		444.769				398.080		398.080				46.689	46.689
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2023 (Gói 8) H&K: Kê đường BTXX nông thôn xã Sơn Đùn 2 - 8105342				41.621	41.621		41.621				41.621		41.621					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 1 (8106729)				51.635	51.635		51.635				51.635		51.635					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 1 (8106740)				113.544	113.544		113.544				113.544		113.544					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 1 (8106741)				230.599	230.599		230.599				203.576		203.576				27.223	27.223
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 1 (8106742)				143.175	143.175		143.175				143.175		143.175					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 2 (8106743)				99.037	99.037		99.037				99.037		99.037					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) H&K: Đường BTXX xã Sơn Đùn 2 (8106744)				24.077	24.077		24.077				24.077		24.077					
	Công Bố Hòa xã Dục xã Kỳ Phú (8106745)				1.820.000	1.350.000		1.350.000				1.820.000		1.820.000					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) H&K: Đường bê tông xi măng xã Sơn Đùn (8117406)				162.720	125.755		125.755				162.720		162.720					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) H&K: Đường bê tông xi măng xã Sơn Đùn (Gói 2) (8117407)				202.714	202.714		202.714				202.714		202.714					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) H&K: Đường bê tông xi măng xã Sơn Đùn (Gói 2) (8117408)				226.313	226.313		226.313				226.313		226.313					
	Sân thể thao xã Kỳ Phú: Hạng mục: Đường bê tông và cỏ nhân tạo sân bóng đá. Diện tích (8117683)				117.295	117.295		117.295				117.295		117.295					
	Dương GTNT xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) H&K: Đường bê tông xi măng bê đá bảo vệ đường xã Giai 2- 8117688				59.262	59.262		59.262				59.262		59.262					
	Dương giao thông nông thôn xã Tân Yên năm 2024 (Gói 2) (8118191)				176.842	176.842		176.842				176.842		176.842					
	Dương giao thông nông thôn xã Tân Yên năm 2024 (Gói 1) (8118192)				27.907	27.907		27.907				27.907		27.907					

STT	Chi tiết	Kính gửi năm trước chuyển sang	Chưa ra		Chưa ra						Trong đó				Trong đó		
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Dự toán năm 2025	Vốn đầu tư			Tổng vốn sự nghiệp	Vốn sự nghiệp		Quyết toán năm 2025	Trong đó		Kính phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó	
						Tăng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm		Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp
	Chính trong và ngoài địa phương tăng huyện đường ED 2035 đơn vị quốc gia tăng làm và Tân Yên, huyện Đại Từ. (8143935)		2.367	5.002.967	5.000.000			5.000.000			2.064.967	2.064.967			2.918.000	2.918.000	
	Trường Tiểu học Kỳ Phú, huyện Lạc Sơn (8144372)			7.563	7.563			7.563							7.563	7.563	
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2025 (gói 1) Đường GTNT xã Núi Đèo từ nhà ông Tuấn đến đầu nhà ông Năm (8150892)			11.960	11.960			11.960			11.960	11.960					
	Đường giao thông nông thôn xã Tân Phú năm 2025 (gói 1) (8155394)			106.306	106.300			106.300			106.300	106.300					
	Quỹ học sinh xã Tân Phú, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2045 (8162555)			290.000	290.000			290.000			7.900	7.900					
	Công trình xã Tân Phú, tỉnh Thái Nguyên - 8167729			300.000	300.000			300.000							300.000	300.000	
	Cải tạo, nâng cấp vụ ở UBND xã Tân Phú thành trường mầm non Tân Phú - 8169355			1.617.679	1.617.679			1.617.679							1.617.679	1.617.679	
	Công trình xã Tân Phú, tỉnh Thái Nguyên - 8170351			428.861	428.861			428.861							428.861	428.861	
	Đường bê tông xi măng đoạn từ đường Đình Chiểu đến ngã tư trong xã Tân Phú xã Tân Phú - 8170614			51.472	51.472			51.472							51.472	51.472	
	Đường GTNT xã Tân Yên năm 2023 (gói 2) HK - Đường bê tông xi măng các xóm Bùn 1, Bùn 2, Núi Chùa 1, Đôn 3-805.868			30.492	30.492			30.492							30.492	30.492	
	Đường giao thông nông thôn xã Đình Chiểu 1 xã Tân Phú năm 2025, huyện Lạc Sơn (8145809)			19.112	19.112			19.112							19.112	19.112	
	Đường giao thông nông thôn xã Đình Chiểu 1 xã Tân Phú năm 2025, huyện Lạc Sơn (8145809)			42.269	42.269			42.269							42.269	42.269	
	Đường giao thông nông thôn xã Tân Phú năm 2025, huyện Lạc Sơn (8145809)			32.643	32.643			32.643							32.643	32.643	
	Đường giao thông nông thôn xã Tân Phú năm 2025, huyện Lạc Sơn (8145809)			31.062	31.062			31.062							31.062	31.062	
	Đường giao thông nông thôn xã Tân Phú năm 2025 (gói 2) Huyện Lạc Sơn (8168379)			28.021	28.021			28.021							28.021	28.021	
24	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đồng bộ, hiện đại, an toàn, kết nối mạng thôn - xã và kết nối các vùng miền người dân vùng kinh tế cấp huyện (80432)																
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giải đoạn E từ năm 2021 đến năm 2025 (00510)			59.000				59.000			59.000	59.000			59.000		

STT	Chi tiêu	Kính phí năm trước chuyển sang	Chưa tra		Chưa trả						Trong đó				Trong đó								
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Dự toán năm 02/5	Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp			Trong đó		Trong đó									
						Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Quyết toán năm 2023	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	KP gia hạn, Vốn dự trữ đầu tư	Vốn sự nghiệp	Kinh phí chưa được chuyển sang năm sau	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
3.1	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, chăm sóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nguồn vốn NSTW (10517)			15.000				15.000			15.000			15.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157200)			15.000				15.000			15.000			15.000									
3.2	Hầu trợ phát triển nhóm dân tộc thiểu số tại ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn nguồn vốn NSTW (00519)			7.000				7.000			7.000			7.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157300)			7.000				7.000			7.000			7.000									
3.3	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình nguồn vốn NSTW (10521)			32.000				32.000			32.000			32.000									
	Văn phòng HĐND và UBND xã Vạn Phú (1151032)			23.000				23.000			23.000			23.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157200)			9.000				9.000			9.000			9.000									
3.4	Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, chăm sóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20517)			2.000				2.000			2.000			2.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157200)			2.000				2.000			2.000			2.000									
3.5	Hầu trợ phát triển nhóm dân tộc thiểu số tại ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn nguồn vốn NS cấp tỉnh (20519)			1.000				1.000			1.000			1.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157200)			1.000				1.000			1.000			1.000									
3.6	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20521)			2.000				2.000			2.000			2.000									
	Văn phòng HĐND và UBND xã Vạn Phú (1151032)			1.000				1.000			1.000			1.000									
	Phòng Văn hóa - xã hội xã Vạn Phú (1157200)			1.000				1.000			1.000			1.000									



QUYẾT TOÁN VON BẦU TƯ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VON NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tại Phan Thiết)

Biểu số 15 (Mẫu biểu số 62/NĐ-31)

CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM										CỘNG HÒA VIỆT NAM									
-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	-------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẠN PHÚ

TỔNG HỢP CÁC QUÝ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH ĐO ĐẠ PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025

Biểu số 16 (Mẫu biểu số 1)

(Kèm theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Vạn Phú)

Kế hoạch năm 2025												Thực hiện năm 2025				Đơn vị: Ng	
ST T	Tên Quý	Dự nguồn đến ngày 31/12/2024 (năm trước)	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm			Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Dự nguồn 31/12/2024					
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)	Tổng số			Trong đó: Hỗ trợ từ NSDP (nếu có)									
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+9						
	TỔNG CỘNG																
1	Quý Đầu tư đáp nghĩa						9.557.959	0	65.507	9.492.452							
	Phòng Văn hóa - Xã hội	0					158.617	0	27.924	130.693							
2	Quý Bảo trợ trẻ em						158.617	0	27.924	130.693							
	Phòng Văn hóa - Xã hội	0					21.637	0	12.397	8.740							
3	TG khác của DV hành chính, sự nghiệp						21.637		12.397	8.740							
	Phòng Văn hóa - Xã hội	0					32.061	0	2.275	29.786							
4	TG khác có nguồn gốc chính sách						32.061		2.275	29.786							
	Phòng Văn hóa - Xã hội	0					7.451.192			7.451.192							
5	TG khác có nguồn gốc chính sách						7.451.192		7.451	7.443.741							
	Phòng Văn hóa - Xã hội	0					1.711.696	0	1.711	1.709.985							
6	Quý khuyến học						1.711.696		1.711	1.709.985							
	Ủy ban MTTQ						1.278,84	0,00	0,00	1.278,84							
7	Quý Nhân đạo + Người cao tuổi						1.278,84			1.278,84							
	Ủy ban MTTQ						70.853,19	0,00	20.700,00	50.153,19							

8	Quý vị người nghèo								110.624,31	0,00	0,00	110.624,31	11
	Ủy ban MTTQ								110.624,31			110.624,31	11
9	Quý phòng chống thiên tai								84.524,04	0,00	78.682,20	5.841,84	
	Phòng Kinh tế								84.524,04		78.682,20	5.841,84	
10	Tiền gửi khác								15.865,00	0,00	0,00	15.865,00	1
	Phòng Kinh tế								15.865,00			15.865,00	1
11	Tiền gửi khác								1.461,12	0,00	0,00	1.461,12	
	Văn phòng HĐND&UBND								1.461,12			1.461,12	
12	Tài khoản tiền gửi BQL								325.776,14	0,00	23.227,71	302.548,43	30
	Trung tâm dịch vụ tổng hợp								325.776,14		23.227,71	302.548,43	30



Vạn Phú, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BIÊN BẢN
**Niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
xã Vạn Phú năm 2025**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 28/3/2026 của HĐND xã Vạn Phú về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND xã Vạn Phú về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước xã Vạn Phú năm 2025;

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 ngày 31 tháng 3 năm 2026. Tại hội trường tầng 3, Ủy ban nhân dân xã Vạn Phú đã tiến hành họp để thống nhất, niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025. Thành phần gồm có:

- | | |
|------------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Hưng | - Chủ tịch UBND |
| 2. Ông: Lỗ Thanh Hiệp | - Phó chủ tịch UBND |
| 3. Ông: Dương Văn Bắc | - Phó Trưởng ban kinh tế - ngân sách |
| 4. Ông: Nguyễn Văn Quân | - Trưởng ban văn hóa - xã hội |
| 5. Bà: Triệu Thị Phương Dung | - Trưởng phòng kinh tế |
| 6. Bà: Hoàng Thị Phương | - Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội |
| 7. Ông: Nguyễn Tuấn Anh | - Phó Chánh văn phòng HĐND&UBND |
| 8. Bà: Nguyễn Thị Hương | - Chuyên viên phòng kinh tế - Thư ký |

Lập biên bản về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025 bằng hình thức niêm yết tại trụ sở làm việc và gửi thông báo bằng văn bản đến Đảng ủy - HĐND - các tổ chức chính trị - xã hội, các ông, bà trưởng xóm và đăng tải trên cổng thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://vanphu.thainguyen.gov.vn> chuyên mục Công khai ngân sách

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 10 giờ 20 phút ngày 31 tháng 03 năm 2026 và sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 30 tháng 04 năm 2026 (30 ngày liên tục).



Thực hiện niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã Vạn Phú năm 2025 niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đơn vị và nhân dân biết.

Thời gian niêm yết 30 ngày liên tục theo đúng quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 10h00 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ GHI BIÊN BẢN



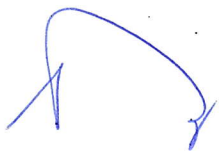
Nguyễn Thị Hương

**BAN KINH TẾ NGÂN SÁCH
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Dương Văn Bắc

**PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG**



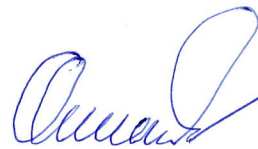
Triệu Thị Phương Dung

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hưng

**BAN VĂN HÓA XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Quân

**PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI
TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Thị Phương